

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 747/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 21 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**V/v điều chỉnh chế độ trợ cấp, trợ giúp cho các
đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét đề nghị của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chế độ trợ cấp, trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội được quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Chế độ trợ cấp thường xuyên:

a) Mức chuẩn để xác định mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội là 180.000 đồng/người/tháng (hệ số 1).

b) Đối với đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng:

- Mức trợ cấp xã hội hàng tháng bằng 180.000 đồng (hệ số 1) x hệ số tương ứng cho từng loại đối tượng quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ;

- Hỗ trợ mai táng phí mức 3.000.000 đồng/người.

c) Đối với đối tượng bảo trợ xã hội được nuôi dưỡng tập trung tại cơ sở bảo trợ xã hội.

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
<i>I</i>	<i>Trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng:</i>		
1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP:		
	Dưới 18 tháng tuổi		480
	Từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	2,5	450
	Từ 18 tháng tuổi trở lên	2,0	360
2	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	2,0	360
3	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP	2,0	360
4	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP	2,5	450
5	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP	2,5	450
6	Đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp gồm: nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán, nạn nhân bị cưỡng bức lao động và các đối tượng khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.	2,0	360
<i>II</i>	<i>Các khoản trợ giúp, trợ cấp khác:</i>		
	Mua tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt đời sống hàng ngày (người/năm)		350
	Mua thuốc chữa bệnh thông thường (người/tháng)		20
	Hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội cho người bị nhiễm HIV/AIDS (người/năm)		250
	Chi phí vệ sinh cá nhân đối với đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (người/tháng)		15
	Mai táng phí/người		4.500

2. Đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP.

3. Chế độ trợ giúp đột xuất: thực hiện như quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thời gian thực hiện các chế độ trợ cấp, trợ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội như sau:

- Đối tượng đang hưởng chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội từ tháng 01/2010 về trước thì được chuyển sang hưởng chính sách theo quy định tại Quyết định này từ ngày 01/01/2010.

- Đối tượng mới thuộc diện hưởng chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội thì được hưởng từ ngày ghi trong Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 13/10/2009 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số mức trợ cấp, trợ giúp các đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

Giao cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Hải